

Số: 2674/QĐ-UBND

Long Thành, ngày 13 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách Nhà nước
huyện Long Thành năm 2017.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Long Thành khóa XI – kỳ họp thứ 3 về dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2017 trên địa bàn huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 6463/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện Long Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017 của huyện Long Thành;

Xét đề xuất của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 641/TTr-TCKH ngày 02/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách Nhà nước huyện Long Thành năm 2017 (Phụ lục chi tiết đính kèm tại Tờ trình số 641/TTr-TCKH ngày 02/6/2017 của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Long Thành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài chính;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Viện KSND, TAND huyện;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT-KT (Trí).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Thế Ân

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	713.097
I	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	303.049
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	149.175
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	153.874
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	284.628
-	Thu bổ sung cân đối	264.628
-	Thu bổ sung có mục tiêu	20.000
III	Thu kết dư	48.221
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	77.199
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	576.426
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	576.426
1	Chi đầu tư phát triển	105.600
2	Chi thường xuyên	450.946
3	Dự phòng ngân sách	11.131
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	8.749
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn năm sau	



CÁN ĐOỊ NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2017

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	713.097
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	303.049
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	284.628
-	Thu bổ sung cân đối	264.628
-	Thu bổ sung có mục tiêu	20.000
3	Thu kết dư	48.221
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	77.199
II	Chi ngân sách	728.321
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	647.677
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	80.644
-	Chi bổ sung cân đối	80.644
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	129.271
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	5.287
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	80.644
-	Thu bổ sung cân đối	80.644
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	20.621
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	22.719
II	Chi ngân sách	85.931

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2017	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		451.600
I	Thu nội địa		451.600
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)		251.500
5	Thuế thu nhập cá nhân		40.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ		34.000
8	Thu phí và lệ phí		12.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		2.200
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		200
12	Thu tiền sử dụng đất		100.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách		11.200
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		500
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2017

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN		574.122	87.856
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN		574.122	87.856
I	Chi đầu tư phát triển		185.600	-
1	Chi đầu tư cho các dự án		185.600	
-	Chi đầu tư XDCB tập trung		105.600	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề			
-	Chi khoa học công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		60.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		20.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên		370.302	84.271
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề		222.303	
2	Chi khoa học công nghệ			
III	Dự phòng ngân sách		9.471	1.660
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		8.749	1.925
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			



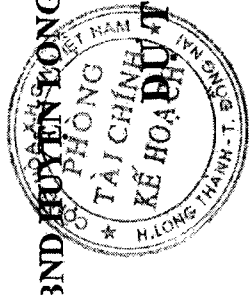
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Ngân sách huyện
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	654.766
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	80.644
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	574.122
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	185.600
1	Chi đầu tư cho các dự án	105.600
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	
1.2	Chi khoa học công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	80.000
II	Chi thường xuyên	370.302
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	222.303
2	Chi khoa học công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.754

4	Chi văn hóa thông tin	1.546
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.603
6	Chi thể dục thể thao	3.113
7	Chi bảo vệ môi trường	29.704
8	Chi các hoạt động kinh tế	30.179
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	38.431
10	Chi bảo đảm xã hội	26.099
III	Dự phòng ngân sách	9.471
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	8.749
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



3ND HUYỆN TONG THÀNH

Biểu số 86/CK-NSNN

ĐỀ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2017

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	340.378	-	322.158	9.471	8.749				
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	322.158		322.158						
*	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	23.313		23.313						
1	VP HĐND - UBND	5.846		5.846						
2	Phòng Nội vụ	1.779		1.779						
3	Phòng Tư Pháp	744		744						
4	Phòng Kinh Tế	1.312		1.312						
5	Phòng Quản lý Đô thị	1.740		1.740						
6	Phòng Tài nguyên - MT	1.588		1.588						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Thanh Tra huyện	975		975						
8	Phòng Văn hóa TT- TT	880		880						
9	Phòng Tài chính- KH	1.771		1.771						
10	Phòng Giáo dục & DT	2.116		2.116						
11	Phòng Y Tế	824		824						
12	Phòng Lao động TBXH	1.226		1.226						
13	Phòng Dân tộc	442		442						
*	Khen Thưởng	900		900						
*	KP đào tạo (Nội vụ)	450		450						
*	KP đào tạo (LĐT BXH)	-								
*	KP đào tạo (P. KT)	270		270						
*	TT. UBND-HĐND Huyện	450		450						
*	SỰ NGHIỆP	275.215		275.215						
1	Sự nghiệp thủy lợi	80		80						

TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Sự nghiệp nông nghiệp	1.604		1.604						
3	Sự nghiệp lâm nghiệp	315		315						
4	Sự nghiệp quản lý MT	26.734		26.734						
5	Sự nghiệp giao thông	7.200		7.200						
6	Sự nghiệp Văn hoá TT	1.546		1.546						
a	Nhà thiếu Nhi huyện	518		518						
b	Thư viện huyện	504		504						
c	BQL Di tích danh thắng	434		434						
d	PT.TĐBKXĐĐSVH (P.Văn hoá TT)	90		90						
7	Sự nghiệp Y Tế	3.754		3.754						
8	Sự nghiệp Thể dục - TT	3.113		3.113						
9	Sự nghiệp Phát Thanh	1.603		1.603						
10	Sự nghiệp Giáo dục & ĐT	203.317		203.317						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
a	Mầm non, Mẫu giáo	45.840		45.840						
b	Khối tiểu học	87.401		87.401						
c	Khối Trung học cơ sở	68.415		68.415						
e	TTGD TX	1.661		1.661						
11	Chi đảm bảo xã hội	25.949		25.949						
a	Phòng Lao động TBXH	25.528		25.528						
b	Ban quản trang	421		421						
*	ĐOÀN THỂ	5.901		5.901						
1	Ủy ban MTTQ huyện	1.108		1.108						
2	Huyện Đoàn	939		939						
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	710		710						
4	Hội nông dân	666		666						
5	Hội Cựu chiến binh	493		493						
6	Hội Người Mù	367		367						

TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI - CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Hội chữ thập đỏ	484		484						
8	Hội khuyến học	262		262						
9	Ban liên lạc tù CT	220		220						
10	Hội nạn nhân chất độc MDC	222		222						
11	Hội người cao tuổi	216		216						
12	Hội Luật gia	214		214						
*	Đảng	9.068		9.068						
1	Văn phòng Huyện Ủy	7.703		7.703						
	DT chi thường xuyên	7.036		7.036						
*	TT.HU	450		450						
*	Dự phòng (3%)	217		217						
2	Trung tâm bồi dưỡng CT	1.365		1.365						
	DT chi thường xuyên	555		555						
*	KP đào tạo	810		810						

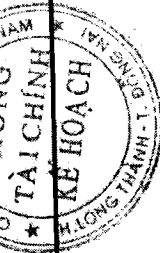
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
*	Chi An ninh quốc Phòng	8.661		8.661						
1	An Ninh	900		900						
2	Quốc phòng	7.761		7.761						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	9.471			9.471					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	8.749				8.749				
IV	CHI BỎ SUNG CỎ MỨC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN									
V	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									

3ND HUYỆN LONG THÀNH

DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2017

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân Quyết định tại Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 20/11/2016)

ĐVT: Triệu đồng



T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐĂNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TIN	CHI THÈ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP THỦY		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	147.200	22.420	-	-	-	-	-	-	-	16.684	-	22.888	-
B	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (A + B+C+D..)	49.262	22.420	-	-	-	-	-	-	-	3.954	-	22.888	-
	Ngân sách tập trung	7.662	2.420	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.242	-
a	Giáo dục	2.420	2.420	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Trường TH Tân Hiệp		2.420											
1	Trụ sở làm việc	5.242	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.242	-
	Trụ sở BCHQS xã Long An												1.115	
2	Trụ sở BCHQS xã Long Phước												2.142	
3	Trụ sở BCHQS xã Phước Thái												1.105	
4	Văn Phòng một cửa xã Phước Bình												880	
B	Nguồn số kiến thiết	20.000	20.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường MN Tân Hiệp		8.470											
2	Trường MN Long Phước		9.530											

TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIAO DỤC ĐÀO TẠO VÀ ĐÀNG NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN C TUN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BÁC ĐÀM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP THỦY		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Dự phòng nguồn XSKT		2.000											
C	Nguồn thu từ tiền sử dụng đất	21.600	-	-	-	-	-	-	-	-	3.954	-	17.646	
C.1	Trụ sở làm việc	17.646	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.646	
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy Long Thành												6.071	
2	Trụ sở làm việc UBND-Huyện Long Thành												11.575	
C.2	Giao thông	3.954	-	-	-	-	-	-	-	-	3.954	-		
1	Mương thoát nước ngà tư Thái Hiệp Thành										1.589			
2	Đường vào bãi rác xã Bàu Cạn										2.365			
II	CÁC CÔNG TRÌNH XHH TỰ NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG	12.730									12.730			
1	UBND XÃ TAM AN	100	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	
	Hẻm 714 ấp 3 xã Tam An										20			
	Hẻm 616 HL21										20			
	Hẻm 614 HL21										20			
	Hẻm 634 HL21										20			
	Hẻm 748 HL21										20			
2	UBND XÃ LONG ĐỨC	100	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	
	Đường khu 13 xã Long Đức										20			

T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP THỦY				
1	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
	Đường N3 khu 15 xã Long Đức										20					
	Hẻm 5 - 53 đường Khu 13										20					
	Hẻm 70 đường Lộc An - Đội 3 (đoạn Km0+497 đến Km1+210)										20					
	Hẻm 102 đường Lộc An - Đội 3										20					
3	UBND XÃ AN PHƯỚC	2.294	-	-	-	-	-	-	-	-	2.294	-	-	-	-	-
	Hẻm 18/13 đường Dầu Ba										592					
	Đường vào chùa Thiên Quang (Hẻm 84 QL 51A (đoạn Km1+700 đến Km1+943,5))										406					
	Đường tổ 2-4-6 ấp 3 (Hẻm 84/65 QL51A đoạn từ Km0+640 đến Km0+977)										720					
	Đường điện 0,4KV tuyến tổ 4 - 5 ấp 5										276					
	Đường điện 0,4KV tuyến tổ 1-2 sau các TBA xã An Phước										300					
4	UBND XÃ LỘC AN	60	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	-	-	-
	Đường Cầu xe - Thanh Bình										20					
	Đường Hẻm 62 Bung cơ										20					
	Đường hẻm 82 Lộc An - Cầu Xéo										20					
5	UBND XÃ BÌNH SON	120	-	-	-	-	-	-	-	-	120	-	-	-	-	-

TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BÁC ĐÀM XÃ HỘI
			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	B	1												
	Hẻm 250/3 đường DT 769										20			
	Hẻm 336 đường DT 769										20			
	Hẻm 250/25+254/27+282/23 đường DT 769										20			
	Hẻm 250/11 đường DT 769										20			
	Đường Tô 7 ấp 1 đoạn 2										20			
	Đường Tô 7 ấp 1 đoạn 5										20			
6	UBND XÃ BÌNH AN	1.809	-	-	-	-	-	-	-	-	1.809	-	-	
	Đường hẻm 480 tỉnh lộ 769										330			
	Đường hẻm 492 tỉnh lộ 769										453			
	Đường hẻm 508 tỉnh lộ 769										256			
	Đường lộ 5 ấp Bàu Tre										770			
7	UBND XÃ CẨM ĐƯỜNG	1.946	-	-	-	-	-	-	-	-	1.946	-	-	
	Đường Cây Sung (Giai đoạn 2)										1.682			
	Dầu tư tưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Dầu tư xây dựng tuyến đường điện hạ thế Hẻm 453 xã Cẩm Đường										264			
8	UBND XÃ SUỐI TRÀU	60	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	

T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐĂNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			CHI GIAO DỤC ĐẠO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THẺ THA O	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP THỦY		
	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Đường Đồng Tân										20			
	Đường ấp 2 xã Suối Trầu										20			
	Đường cầu Be ấp 2 xã Suối trầu										20			
	UBND XÃ LONG AN	180	-	-	-	-	-	-	-	-	180	-	-	-
	Đường hẻm 2250 tổ 7 ấp 1 (hẻm 720 QL 51)										20			
	Đường hẻm 1 tổ 4 Ấp Xóm Gốc										20			
	Đường tổ 9 Ấp An Lâm										20			
	Đường hẻm 28 tổ 4 ấp 3										20			
	Đường ấp 2										20			
	Đường Khu 2 ấp 3										20			
	Đường ấp 3 đi qua cầu Bung Môn										20			
	Đường cầu ấp Bung Môn										20			
	Đường trại heo Phú Sơn ấp 2										20			
	UBND XÃ LONG PHƯỚC	2.291	-	-	-	-	-	-	-	-	2.291	-	-	-
	Hẻm 213 đường Bàu Cạn (Khu giết mổ tập trung ấp 5)										665			
	Hẻm 166 HL12 (Miếu Bà Lọc - Bà Kỳ)										476			
	Hẻm 146 HL12										324			

TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH TÂN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BÁC ĐÀM XÃ HỘI
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Đầu tư lưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Đầu tư tuyến lưới điện hạ thế Xóm Trảng Ấp đất mới xã Long Phước										432			
	Đầu tư lưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Đầu tư tuyến điện hạ thế ấp Tào Phước xã Long Phước										208			
	Đầu tư lưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Đầu tư XD tuyến đường điện hạ thế ấp 5 (Chùa Long Quang) xã Long Phước										186			
11	UBND XÃ BÀU CẠN	885	-	-	-	-	-	-	-	-	885	-	-	
	Hẻm 108 Đường Bầu Cạn Tân hiệp										480			
	Hẻm 751 Đường Bầu Cạn										405			
12	UBND XÃ TÂN HIỆP	80	-	-	-	-	-	-	-	-	80	-	-	
	Sửa chữa nhà văn hóa ấp 1,2,3,4 xã Tân Hiệp										20			
	Xây dựng nhà VH ấp 5 xã Tân Hiệp										20			
	Đường Khu Làng Dế										20			
	Đường Khu Quang Ngãi										40	-	-	
13	UBND XÃ PHƯỚC THÁI	40	-	-	-	-	-	-	-	-	40	-	-	
	Hẻm 71 đường Liên ấp hiện Đức ấp 3										20			

	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP LÂM NGHIỆP THỦY				
T			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
A	B	1									20					
	Hẻm 3174 ấp 1C															
4	UBND XÃ PHƯỚC BÌNH	1.372	-	-	-	-	-	-	-	-	1.372	-	-	-	-	-
	Sơ sở trụ sở UBND xã Phước Bình										740					
	Hẻm 2903 Đường Ranh QL 51										327					
	Hẻm 259 đường ranh Bà Rịa - Vũng Tàu										305					
5	UBND THỊ TRẤN LONG THÀNH	1.393	-	-	-	-	-	-	-	-	1.393	-	-	-	-	-
	Đường Nguyễn An Ninh Thị trấn Long Thành															
	Năng cấp đường Phan Chu Trinh															
II	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TẬP TRUNG NĂM 2017	10.560														
V	TRẢ NỢ VAY NGÂN HÀNG NĂM 2015	74.648														

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định).

Đơn vị: Triệu đồng.

ĐƠN VỊ: TỈNH THANH HÓA																	
T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG ĐOÀN THỂ	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
A	B																
	TỔNG SỐ									-			23.313				
*	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	23.313								-			5.846				
1	VP HĐND-UBND	5.846								-			1.779				
2	Phòng Nội vụ	1.779								-			744				
3	Phòng Tư Pháp	744								-			1.312				
4	Phòng Kinh Tế	1.312								-			1.740				
5	Phòng Quản lý Đô thị	1.740								-			1.588				
6	Phòng Tài nguyên - MT	1.588								-			975				
7	Thanh Tra huyện	975								-			880				
8	Phòng Văn hóa TT- TT	880								-			1.771				
9	Phòng Tài chính- KH	1.771								-							

Page 1

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA, THÔNG TIN	CHI PHÁT THÀNH TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẢN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG ĐOÀN THỂ	CHI ĐÀM BẢO XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
10	Phòng Giáo dục & ĐT	2.116								-			2.116	
11	Phòng Y Tế	824								-			824	
12	Phòng Lao động TBXH	1.226								-			1.226	
13	Phòng Dân tộc	442								-			442	
*	Khen Thường	900								-			900	
*	KP đào tạo (Nội vụ)	450								-			450	
*	KP đào tạo (LĐT BXH)	-								-			270	
*	KP đào tạo (P. KT)	270								-			450	
*	TT. UBND-HDND Huyện	450								-			5.901	
*	ĐOÀN THỂ	5.901								-			1.108	
1	Ủy ban MTTQ huyện	1.108								-			939	
2	Huyện Đoàn	939								-			710	
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	710								-			666	
4	Hội nông dân	666								-				

TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐẠO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG ĐOÀN THỂ	CHI ĐAM BẢO XÃ HỘI
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Hội Cựu chiến binh	493								-			493	
Hội Người mù	367								-			367	
Hội chữ thập đỏ	484								-			484	
Hội khuyến học	262								-			262	
Ban liên lạc tù CT	220								-			220	
Hội nạn nhân chất độc MDC	222								-			222	
Hội người cao tuổi	216								-			216	
Hội Luật gia	214								-			214	
Đảng	9.068								-			9.068	
Văn phòng Huyện Ủy	7.703								-			7.703	
DT chi thường xuyên	7.036								-			7.036	
TT.HU	450								-			450	
Dự phòng (3%)	217								-			217	
Trung tâm bồi dưỡng CT	1.365								-			1.365	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG ĐOÀN THỂ	CHI ĐÀM BẢO XÃ HỘI
											CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	DT chi thường xuyên	555								-			555	
*	KP đầu tạo	810								-			810	
*	SỰ NGHIỆP	237.736		237.736						-				
1	Sự nghiệp thủy lợi	80								-80		80		
2	Sự nghiệp nông nghiệp	1.604								1.604		1.604		
3	Sự nghiệp lâm nghiệp	315								315		315		
4	Sự nghiệp quản lý MT	26.734							26.734	-				
5	Sự nghiệp giao thông	7.200								7.200	7.200			
6	Sự nghiệp Văn hoá TT	1.546				1.546				-				
a	Nhà thiếu Nhi huyện	518				518				-				
b	Thư viện huyện	504				504				-				
c	BQL Di tích danh thắng	434				434				-				
d	PT.TĐĐK.XĐĐSVH (P. Văn hoá TT)	90				90				-				
7	Sự nghiệp Y Tế	3.754			3.754					-				

T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG ĐOÀN THỂ	CHI ĐÀM BẢO XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
1	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Sự nghiệp Thể dục - TT	3.113						3.113		-				
9	Sự nghiệp Phát Thanh	1.603					1.603			-				
0	Sự nghiệp Giáo dục & ĐT	203.317	203.317							-				
a	Mầm non, Mẫu giáo	45.840	45.840							-				
b	Khởi tiểu học	87.401	87.401							-				
c	Khởi Trung học cơ sở	68.415	68.415							-				
e	TTGD TX	1.661	1.661							-				
11	Chi đảm bảo xã hội	25.949								-				25.949
a	Phòng Lao động TBXH	25.528								-				25.528
b	Ban quản trang	421								-				421

DỰ TOÁN THU, SỔ BỐ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2017

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Thu ngân sách xã hưởng 100%	Chia ra Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	I	3	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ	39.186	5.287	5.287		80.644		22.719	108.650
1	UBND Thị trấn LT	13.871	1.370	1.370		4.986		885	7.240
2	UBND xã Phước Thái	3.693	480	480		5.596		3.316	9.393
3	UBND xã An Phước	5.024	640	640		5.523		442	6.605
4	UBND xã Long Phước	2.656	344	344		5.165		2.340	7.850
5	UBND xã Bàu Cạn	831	290	290		6.053		2.778	9.121
6	UBND xã Long An	2.844	468	468		5.779		2.685	8.932
7	UBND xã Cẩm Đường	496	127	127		5.090		208	5.425
8	UBND xã Long Đức	2.333	257	257		4.998		1.258	6.513
9	UBND xã Tam An	1.522	237	237		5.317		358	5.912
10	UBND xã Tân Hiệp	905	199	199		5.803		1.052	7.054
11	UBND xã Bình Sơn	868	280	280		6.487		1.389	8.156
12	UBND xã Lộc An	1.898	184	184		4.786		3.228	8.198
13	UBND xã Bình An	421	104	104		4.867		445	5.416
14	UBND xã Phước Bình	1.722	252	252		5.330		2.335	7.917
15	UBND xã Suối Trầu	102	55	55		4.863			4.918

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân Quyết định tại Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Giá trị khởi công thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016				Lũy kế vốn đã bỏ từ đến 31/12/2016				Kế hoạch vốn năm 2017			
						Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		
							Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
B	TỔNG SỐ			3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
						286.761			286.761	164.405			164.405	164.405			164.405	147.200			147.200
						123.518			123.518	47.327			47.327	47.327			47.327	22.420			22.420
						123.518			123.518	47.327			47.327	47.327			47.327	22.420			22.420
						66.393			66.393	27.327			27.327	27.327			27.327	2.420			2.420
						66.393			66.393	27.327			27.327	27.327			27.327	2.420			2.420
					3416																
					7/10/2008				66.393												
					1765					27.327			27.327	27.327			27.327	2.420			2.420
					07/5/2015																
						57.125			57.125	20.000			20.000	20.000			20.000	20.000			20.000
					1441B				30.636	20.000			20.000	20.000			20.000	8.470			8.470
					2063				26.489									9.530			9.530
					30/5/2016													2.000			2.000
						163.243			163.243	117.078			117.078	117.078			117.078	22.888			22.888
						163.243			163.243	117.078			117.078	117.078			117.078	22.888			22.888
						15.796			15.796	5.529			5.529	5.529			5.529	5.242			5.242
						15.796			15.796	5.529			5.529	5.529			5.529	5.242			5.242
					4849				4.128	1.445			1.445	1.445			1.445	1.115			1.115
					30/10/2015																
					4848				4.458	1.560			1.560	1.560			1.560	2.142			2.142
					4869				4.097	1.434			1.434	1.434			1.434	1.105			1.105
					4819				3.113	1.090			1.090	1.090			1.090	880			880
					29/10/2015																
						147.447			147.447	111.549			111.549	111.549			111.549	17.646			17.646
					3487				68.676	52.271			52.271	52.271			52.271	6.071			6.071
					31/10/14																

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Quyết định đầu tư					Giá trị khởi tương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016					Tỷ lệ vốn đã bỏ từ đến 31/12/2016					Kế hoạch vốn năm 2017				
						Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn					Chia theo nguồn					Chia theo nguồn				
						Tông số (tất cả các nguồn vốn)					Tông số (tất cả các nguồn vốn)					Tông số (tất cả các nguồn vốn)					Tông số (tất cả các nguồn vốn)				
						5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
2	Tư vấn làm việc UBND-UBND huyện Long Thành				3/4/8 31/10/14	78.771			78.771	59.278			59.278	59.278			59.278	11.575			11.5				
C	GAO THÔNG ĐIỆN																								
1	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN																								
1.1	Nguồn thu từ tiền sử dụng đất					5.450			5.450																
1	Mương thoát nước ngả tư Thái Hiệp Thành					1.748			1.748																
2	Đường vào bãi rác xã Bàu Cạn				1/6/5/2016	3.702			3.702																
1.2	CÁC CÔNG TRÌNH XHH TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG UBND CÁC XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ					85.999			85.999																
1.1	Nguồn ngân sách tập trung					85.999			85.999																
1	UBND XÃ TAM AN					2.472			2.472																
	Hẻm 7/14 ấp 3 xã Tam An					542			542																
	Hẻm 614 HL21					520			520																
	Hẻm 634 HL21					330			330																
	Hẻm 748 HL21					460			460																
2	UBND XÃ LONG ĐỨC					15.990			15.990																
	Đường khu 13 xã Long Đức					2.890			2.890																
	Đường N3 khu 15 xã Long Đức					6.000			6.000																
	Hẻm 5 - 53 đường Khu 13					4.500			4.500																
	Hẻm 70 đường Lộc An - Đồi 3 (đoạn Km10+497 đến Km1+210)					1.400			1.400																
	Hẻm 102 đường Lộc An - Đồi 3					1.200			1.200																
3	UBND XÃ AN PHUỘC					5.397			5.397																
	Hẻm 18/13 đường Dầu Ba				4877 30/10/2015	1.462			1.462																

Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016				Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 31/12/2016				Kế hoạch vốn năm 2017				
				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách cấp huyện			
B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đường vào chùa Thiên Quang (Hẻm 84 QL 51A (đoạn Km1+700 đến Km1+943,5))				4876 30/10/2015	1.003			1.003	-				-				406			406
Đường tổ 2-4-6 ấp 3 (Hẻm 84/65 QL 51A, đoạn từ Km0+640 đến Km0+977)				4874 30/10/2015	1.778			1.778	-				-				720			720
Đường điện 0,4KV tuyến tổ 4 - 5 ấp 5.				5140 05/11/2014	552			552	-				-				276			276
Đường điện 0,4KV tuyến tổ 1-2 sau cào TBA xã An Phước				5141 05/11/2014	602			602	-				-				300			300
UBND XÃ LỘC AN					2.100			2.100	-				-				60			60
Đường Cầu xe - Thanh Bình					2.100			2.100	-				-				20			20
Đường Hẻm 62 Bưng ca									-				-				20			20
Đường hẻm 82 Lộc An - Cầu Xéo									-				-				20			20
UBND XÃ BÌNH SON								0	-				-				120			120
Hẻm 250/3 đường ĐT 769									-				-				20			20
Hẻm 336 đường ĐT 769									-				-				20			20
Hẻm 250/25+254/27+282/23 đường ĐT 769									-				-				20			20
Hẻm 250/11 đường ĐT 769									-				-				20			20
Đường Tổ 7 ấp 1 đoạn 2									-				-				20			20
Đường Tổ 7 ấp 1 đoạn 5									-				-				20			20
UBND XÃ BÌNH AN					4.879			4.879	-				-				1.809			1.809
Đường hẻm 480 tỉnh lộ 769				2942 25/07/2016	886			886	-				-				330			330
Đường hẻm 492 tỉnh lộ 769				2941 25/07/2016	1.222			1.222	-				-				453			453
Đường hẻm 508 tỉnh lộ 769				2940 25/07/2016	681			681	-				-				256			256
Đường tổ 5 ấp Bàu Tre				2939 25/07/2016	2.090			2.090	-				-				770			770
UBND XÃ CẨM ĐƯỜNG									-				-				1.946			1.946
Đường Cây Sung (Giai đoạn 2)				106 27/10/2016	4.671			4.671	-				-				1.682			1.682

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số OD, ngày, tháng năm ban hành	Quyết định đầu tư										Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016										Dự kế vốn đã bỏ từ đến 31/12/2016										Kế hoạch vốn năm 2017
						Tổng mức đầu tư được duyệt		Chia theo nguồn				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn													
						Tổng số	Ngoại nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng số	Ngoại nước		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng số	Ngoại nước		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng số	Ngoại nước		Ngân sách cấp huyện													
A	Đầu tư lưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Đầu tư xây dựng tuyến đường điện hạ thế Hẻm 453 xã Cẩm Đường	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20															
					107	528			528									264			264															
8	UBND XÃ SUỐI TRẦU																																			
	Đường Đồng Tân					960			960									60			60															
	Đường ấp 2 xã Suối Trầu					960			960									20			20															
	Đường cầu Bè ấp 2 xã Suối Trầu																	20			20															
9	UBND XÃ LONG AN																																			
	Đường hẻm 2250 tổ 7 ấp 1 (hẻm 720 QL 51)					742			742									480			480															
	Đường hẻm 1 tổ 4 ấp Xóm Gốc					2.382			2.382									20			20															
	Đường tổ 9 Ấp An Lâm					700			700									20			20															
	Đường hẻm 28 tổ 4 ấp 3					950			950									20			20															
	Đường ấp 2					480			480									20			20															
	Đường Khu 2 ấp 3					1.600			1.600									20			20															
	Đường ấp 3 đi qua cầu Bung Môn					1.160			1.160									20			20															
	Đường cầu ấp Bung Môn					2.800			2.800									20			20															
	Đường trải theo Phù Sơn ấp 2					800			800									20			20															
10	UBND XÃ LONG PHƯỚC																																			
	Hẻm 213 đường Dầu Cạn (Khu giải mở tập trung ấp 5)				5255	1.641			1.641									2.291			2.29															
	Hẻm 166 HL12 (Miếu Bà Lộc - Bà Kỳ)				5258	1.176			1.176									665			66															
	Hẻm 146 HL12				5257	800			800									324			32															
	Đầu tư lưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Đầu tư tuyến lưới điện hạ thế Xóm Trảng ấp đất mới xã Long Phước				5327	864			864									432			43															

Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khởi lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016				lũy kế vốn đã bỏ từ đến 31/12/2016				Kế hoạch vốn năm 2017				
				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn		
						Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đầu tư lưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Đầu tư tuyến điện hạ thế áp Táp Phước xã Long Phước.				215 28/10/2016	415			415									208			208
Đầu tư lưới điện hạ thế nông thôn của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Long Thành Hạng mục: Đầu tư XD tuyến đường điện hạ thế áp 5 (Chùa Long Quang) xã Long Phước				214 28/10/2016	371												186			
UBND XÃ BÀU CẠN								4310									885			
Hẻm 108 Đường Bàu Cạn Tân Hiệp				5307 28/10/2016	1.420			1.420									480			480
Hẻm 751 Đường Bàu Cạn				5308 28/10/2016	2.890			2.890									405			405
UBND XÃ TÂN HIỆP								11118									80			80
Sửa chữa nhà văn hóa ấp 1,2,3,4 xã Tân Hiệp				2065 30/5/2016	902			902									20			20
Xây dựng nhà VH ấp 5 xã Tân Hiệp					1.000			1.000												
Đường Khu Láng Đẽ					4.808			4.808									20			20
Đường Khu Quảng Ngãi					4.408			4.408									20			20
UBND XÃ PHƯỚC THẮP								3.600									40			40
Hẻm 71 đường Liên ấp hiền Đức ấp 3					1.600			1.600									20			20
Hẻm 3174 ấp 1C					2.000			2.000									20			20
UBND XÃ PHƯỚC BÌNH								2.340									1.372			1.372
Sơn sửa trụ sở UBND xã Phước Bình				5316 28/10/2016	781			781									740			740
Hẻm 2903 Đường Ranh QL 51				5309 28/10/2016	807			807									327			327
Hẻm 259 đường ranh Bà Rịa - Vũng Tàu				5316 28/10/2016	752			752									305			305

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư						Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016						Ấn định vốn đã bỏ từ đến 31/12/2016						Kế hoạch vốn năm 2017					
						Tổng mức đầu tư được duyệt						Chia theo nguồn						Chia theo nguồn						Chia theo nguồn					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Chia theo nguồn						Chia theo nguồn						Chia theo nguồn					
						5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
15	UBND THỊ TRẦN LONG THÀNH Đường Nguyễn An Ninh Thị trấn Long Thành Nâng cấp đường Phan Chu Trinh					2.133			2.133	-				-				4.393			393								
						1.713			1.713	-				-				1.183			183								
						420			420	-				-				210			210								
D	DỰ PHÒNG NGĂN SÁCH TẬP TRUNG NĂM 2017					-			-	-				-				-			-								
E	TRẢ NÓ VAY NGÂN HÀNG NĂM 2015					-			-	-				-				74.648			74.648								